

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NĂM 2012**

*Đã được kiểm toán*

# **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2**

Địa chỉ: Số 13 - đường Mai Hắc Đế - TP. Vinh - tỉnh Nghệ An

Tel: 0383 842195

Fax: 0383 840944

---

<b>Mục lục</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Địa chỉ: Số 13 - đường Mai Hắc Đế - TP. Vinh - tỉnh Nghệ An

Tel: 0383 842195

Fax: 0383 840944

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, như sau:

### 1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 (sau đây được viết tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng điện và vật tư thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.2 theo Quyết định số 159/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000465 lần đầu ngày 31/12/2004 và thay đổi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần thứ 05 ngày 27/6/2012.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 13 - đường Mai Hắc Đế - TP. Vinh - tỉnh Nghệ An.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Mã cổ phiếu: VE2.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 05 ngày 27/6/2012 của Công ty là: 21.588.800.000 đồng (*Hai mươi một tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu đồng, tám trăm nghìn đồng chẵn./.*)

Vốn thực góp tại ngày 31/12/2012 là: 21.588.800.000 đồng (*Hai mươi một tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn./.*) cụ thể như sau:

<b>Đối tượng</b>	<b>Vốn góp (đồng)</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	6.790.756.000	31,45%
Các cổ đông khác	14.798.044.000	68,55%
<b>Tổng</b>	<b>21.588.800.000</b>	<b>100%</b>

### 2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính trong năm 2012 của Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện, các công trình công nghiệp và dân dụng, sản xuất mua bán các loại vật liệu xây dựng.

#### **Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng (gạch block; gạch terrazzo, gạch daramic), các sản phẩm bê tông;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch block; gạch terrazzo, gạch daramic);

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

### **2. Lĩnh vực kinh doanh chính (tiếp theo)**

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bê tông;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh bất động sản (nhà, đất);
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị, phụ kiện điện trong quá trình xây dựng các công trình điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn lập dự án, thẩm tra dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.

### **3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty**

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2012 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị:**

Ông Nguyễn Đậu Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Thân	Ủy viên
Bà Lê Thị Thu Phượng	Ủy viên

#### **Ban giám đốc:**

Ông Nguyễn Đậu Thảo	Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thân	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc

#### **Ban kiểm soát:**

Ông Trần Đình Quý	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Huy Hoài	Thành viên
Ông Trần Thái Hưng	Thành viên

### **4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

### **5. Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

### **6. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo này, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

*Nghệ An, ngày 28 tháng 3 năm 2013*

**Giám đốc**

**Nguyễn Đạu Thảo**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: Info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số 120746 /BCKT- AISHN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO2

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập ngày 18 tháng 01 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2 từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2 tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2013

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN**  
**& DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**Đào Tiến Đạt**

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Kiểm toán viên

**Nguyễn Quang Tuyên**

Chứng chỉ KTV số: 0113/KTV

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng : 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ : 5Đ, 30/4 St. - Ninh Kiều Dist - Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng : 10 Lê Hồng Sơn St, Lê Hồng Sơn Dist, Hải Phòng

Tel : (04) 3782 0045/46/47

Tel : (0611) 371 5619

Tel : (0710) 3813 004

Tel : (031) 382 8777

Fax : (04) 3782 0048

Fax : (0511) 371 5620

Fax : (0710) 3828 765

Fax : (031) 382 8777

Email: aishn@hn.vnn.vn<sup>4</sup>

Email: aiscct@dong.vnn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012 (đ)</b>	<b>01/01/2012 (đ)</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>32.104.129.409</b>	<b>31.834.937.704</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>303.978.424</b>	<b>1.367.432.621</b>
1. Tiền	111	V.1	303.978.424	1.367.432.621
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>2.154.593.300</b>	<b>1.414.775.300</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.991.940.460	4.991.940.460
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.837.347.160)	(3.577.165.160)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.752.206.112</b>	<b>19.588.347.216</b>
1. Phải thu khách hàng	131		19.000.435.006	18.144.058.342
2. Trả trước cho người bán	132		70.981.694	43.336.900
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.900.851.940	1.439.631.172
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.220.062.528)	(38.679.198)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.842.911.808</b>	<b>6.012.105.481</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	6.842.911.808	6.012.105.481
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.050.439.765</b>	<b>3.452.277.086</b>
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.050.439.765	3.452.277.086
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.457.995.600</b>	<b>4.872.678.375</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.140.743.724</b>	<b>4.299.048.065</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.188.743.724	1.347.048.065
<i>Nguyên giá</i>	222		12.145.117.035	12.682.289.298
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.956.373.311)	(11.335.241.233)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2.952.000.000	2.952.000.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258		30.000.000	30.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>287.251.876</b>	<b>543.630.310</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	287.251.876	543.630.310
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>36.562.125.009</b>	<b>36.707.616.079</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 (đ)	01/01/2012 (đ)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.315.017.695</b>	<b>14.326.751.825</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14.260.097.695</b>	<b>14.239.637.824</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	5.657.293.649	4.885.264.400
2. Phải trả người bán	312		3.643.076.427	3.404.269.814
3. Người mua trả tiền trước	313		471.122.291	167.348.159
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.142.156.033	1.637.553.757
5. Phải trả người lao động	315		997.392.178	1.971.109.174
6. Chi phí phải trả	316	V.17	790.822.115	424.742.686
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.392.669.215	1.582.402.047
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		165.565.787	166.947.787
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>54.920.000</b>	<b>87.114.001</b>
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	32.194.001
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		54.920.000	54.920.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.247.107.314</b>	<b>22.380.864.254</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>22.247.107.314</b>	<b>22.380.864.254</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.588.800.000	21.588.800.000
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(475.357.950)	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		360.027.124	360.027.124
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		210.622.640	210.622.640
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		563.015.500	221.414.490
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>36.562.125.009</b>	<b>36.707.616.079</b>

Nghệ An, ngày 18 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Vĩnh Phương

Nguyễn Đậu Thảo



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 (đ)	Năm 2011 (đ)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	24.067.131.706	25.360.356.176
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	2.407.500	0
Hàng bán bị trả lại	06		2.407.500	0
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.27</b>	<b>24.064.724.206</b>	<b>25.360.356.176</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	19.103.404.674	18.696.339.619
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>4.961.319.532</b>	<b>6.664.016.557</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	131.984.061	141.208.888
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	187.313.521	3.321.379.796
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		927.131.521	1.133.476.436
8. Chi phí bán hàng	24		9.641.047	22.823.564
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.488.434.999	3.016.191.714
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>407.914.026</b>	<b>444.830.371</b>
11. Thu nhập khác	31		284.694.209	33.361.768
12. Chi phí khác	32		281.616.653	228.910.858
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>3.077.556</b>	<b>(195.549.090)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>410.991.582</b>	<b>249.281.281</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	69.390.572	43.624.224
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>341.601.010</b>	<b>205.657.057</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	160,51	95,26

Nghệ An, ngày 18 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Vĩnh Phương

Nguyễn Đậu Thảo

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 (đ)	Năm 2011 (đ)
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	25.628.594.660	27.863.296.504
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(12.102.456.184)	(17.089.941.256)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.733.387.340)	(3.867.454.371)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(929.837.657)	(1.137.613.544)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0	(732.864.297)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.452.521.263	396.175.833
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.928.644.299)	(3.501.509.222)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.613.209.557)</b>	<b>1.930.089.647</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(13.500.000)	0
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	134.600.000	0
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	131.984.061	141.208.888
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>253.084.061</b>	<b>141.208.888</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(475.357.950)	0
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	20.372.096.115	15.403.027.100
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.600.066.866)	(16.200.748.570)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>296.671.299</b>	<b>(797.721.470)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.063.454.197)</b>	<b>1.273.577.065</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.367.432.621</b>	<b>93.855.556</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>303.978.424</b>	<b>1.367.432.621</b>

Nghệ An, ngày 18 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Vĩnh Phương

Nguyễn Đậ Thảo

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 (sau đây được viết tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng điện và vật tư thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.2 theo Quyết định số 159/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000465 lần đầu ngày 31/12/2004 và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần thứ 05 ngày 27/6/2012. Công ty có trụ sở chính tại: Số 13 - đường Mai Hắc Đế - TP. Vinh - tỉnh Nghệ An.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 05 ngày 27/6/2012 của Công ty là: **21.588.800.000** đồng *(Hai mươi một tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu đồng, tám trăm nghìn đồng chẵn./.)*

Vốn thực góp tại ngày 31/12/2012 là: **21.588.800.000** đồng *(Hai mươi một tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn)* trong đó tỷ lệ vốn góp thực tế là:

<b>Đối tượng</b>	<b>Vốn góp (đồng)</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	6.790.756.000	31,45%
Các cổ đông khác	14.798.044.000	68,55%
<b>Tổng</b>	<b>21.588.800.000</b>	<b>100%</b>

**2. Lĩnh vực kinh doanh chính**

Hoạt động kinh doanh chính trong năm 2012 của Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện, các công trình công nghiệp và dân dụng, sản xuất mua bán các loại vật liệu xây dựng.

**Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng (gạch block; gạch terrazzo, gạch daramic), các sản phẩm bê tông;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch block; gạch terrazzo, gạch daramic);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bê tông;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (tiếp theo)**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh bất động sản (nhà, đất);
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị, phụ kiện điện trong quá trình xây dựng các công trình điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn lập dự án, thẩm tra dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)**

Ngày 24/10/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp (“Thông tư 179”) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2012, áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Ngày 24/10/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp (“Thông tư 180”) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2012. Thông tư này thay thế Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

Công ty đã áp dụng Thông tư 179, Thông tư 180 và thực hiện theo hướng dẫn của các Thông tư này cho năm hiện hành.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính bao gồm: tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán đảm bảo đã được kiểm kê, đối chiếu đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về việc “Ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)**

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*” và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả về bảo hành các công trình xây dựng: Dự phòng phải trả về bảo hành các công trình xây dựng tuân thủ đồng thời ba (03) điều kiện ghi nhận theo *Chuẩn mực kế toán số 18 - “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”*. Dự phòng được lập vào cuối kỳ kế toán năm, trường hợp số dự phòng đã lập lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi tăng thu nhập khác.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*” và Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

**6. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, Công ty được phép trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Nguyên tắc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; Công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ: Được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu như chi phí giao dịch.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại *Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá được xác định giữa chủ đầu tư và Công ty, hoá đơn đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại *Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác*, bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế suất 25%.

Công ty được giảm 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

ngày 30/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**17. Công cụ tài chính****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính*”, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính*”, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**18. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ với các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế GTGT: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với doanh thu hợp đồng xây lắp là 10%.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(đ)</b>	<b>(đ)</b>
Tiền mặt	49.121.560	1.262.440.725
Tiền gửi ngân hàng (*)	254.856.864	104.991.896
<b>Cộng</b>	<b>303.978.424</b>	<b>1.367.432.621</b>

(\*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(đ)</b>	<b>(đ)</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh	250.045.772	101.081.801
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Nghệ An	1.526.961	802.806
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Nghệ An	3.284.131	3.107.289
<b>Cộng</b>	<b>254.856.864</b>	<b>104.991.896</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng (CP)	Giá trị (đ)	Số lượng (CP)	Giá trị (đ)
Cổ phiếu mã VE9	1.161	24.822.000	1.161	24.822.000
Cổ phiếu mã VNE	152.100	2.467.118.460	152.100	2.467.118.460
Cổ phiếu mã SBA	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(2.837.347.160)		(3.577.165.160)
<b>Cộng</b>		<b>2.154.593.300</b>		<b>1.414.775.300</b>

(\*) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng (CP)	Giá trị (đ)	Số lượng (CP)	Giá trị (đ)
Dự phòng giảm giá CP mã VE9	1.161	(18.668.700)	1.161	(16.346.700)
Dự phòng giảm giá CP mã VNE	152.100	(1.325.000.000)	152.100	(2.010.818.460)
Dự phòng giảm giá CP mã SBA	250.000	(1.493.678.460)	250.000	(1.550.000.000)
<b>Cộng</b>		<b>(2.837.347.160)</b>		<b>(3.577.165.160)</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2012 (đ)	01/01/2012 (đ)
Bảo hiểm xã hội	18.010.058	0
Phải thu về Cổ phần hóa	121.771.729	121.771.729
Dương Chí Giai	193.927.828	193.923.828
Nguyễn Chính Thanh	140.039.072	140.039.072
Nguyễn Đức Sơn	272.879.936	272.879.936
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	990.674.418	541.253.518
Các khoản phải thu khác	163.548.899	169.763.089
<b>Cộng</b>	<b>1.900.851.940</b>	<b>1.439.631.172</b>

**4. Hàng tồn kho**

	31/12/2012 (đ)	01/01/2012 (đ)
Nguyên vật liệu	1.042.875.888	1.029.049.065
Công cụ, dụng cụ	51.802.431	18.924.732
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.371.383.166	3.362.528.331
Thành phẩm	1.270.871.358	1.461.818.053
Hàng gửi đi bán	105.978.965	139.785.300
<b>Cộng</b>	<b>6.842.911.808</b>	<b>6.012.105.481</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: đồng*

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>3.652.424.537</b>	<b>6.895.798.798</b>	<b>1.703.183.282</b>	<b>430.882.681</b>	<b>12.682.289.298</b>
Mua sắm	0	13.500.000	0	0	13.500.000
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(481.404.500)	(69.267.763)	(550.672.263)
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>3.652.424.537</b>	<b>6.909.298.798</b>	<b>1.221.778.782</b>	<b>361.614.918</b>	<b>12.145.117.035</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>2.434.569.279</b>	<b>6.869.891.012</b>	<b>1.698.331.907</b>	<b>332.449.035</b>	<b>11.335.241.233</b>
Khấu hao trong năm	104.913.662	14.762.786	4.851.375	44.589.980	169.117.803
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(481.404.500)	(66.581.225)	(547.985.725)
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>2.539.482.941</b>	<b>6.884.653.798</b>	<b>1.221.778.782</b>	<b>310.457.790</b>	<b>10.956.373.311</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>1.217.855.258</b>	<b>25.907.786</b>	<b>4.851.375</b>	<b>98.433.646</b>	<b>1.347.048.065</b>
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>1.112.941.596</b>	<b>24.645.000</b>	<b>0</b>	<b>51.157.128</b>	<b>1.188.743.724</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: 1.088.388.865 đồng  
 Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 10.072.896.834 đồng

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(đ)</b>	<b>(đ)</b>
Đầu tư mua quyền sử dụng đất (*)	2.952.000.000	2.952.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.952.000.000</b>	<b>2.952.000.000</b>

(\*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 1.800 m<sup>2</sup> tại thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Theo Nghị quyết số 07/NQ/HĐQT ngày 10/4/2006 của Hội đồng quản trị, Công ty đã mua quyền sử dụng lô đất để đầu tư xây dựng kinh doanh du lịch nhà nghỉ tại thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho ông Nguyễn Đậu Thảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị đứng tên với tư cách cá nhân tham gia đấu thầu để mua quyền sử dụng lô đất đó. Lô đất hiện mang tên ông Nguyễn Đậu Thảo và vợ là bà Mạnh Thị Bích Thủy. Ngày 09/7/2010, ông Nguyễn Đậu Thảo và bà Mạnh Thị Bích Thủy đã ủy quyền về quản lý, sử dụng, cầm cố, thế chấp bán thửa đất này cho Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 theo Hợp đồng ủy quyền số 0165.2010/HĐUQ với thời hạn ủy quyền là 10 năm. Quyền sử dụng lô đất này hiện đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh.

Ngoài ra phần diện tích đất 7.128 m<sup>2</sup> tại nhà máy gạch là đất thuê 30 năm đã nộp tiền một lần (từ năm 2002 đến năm 2032), toàn bộ khoản tiền thuê đất này đã được ghi nhận một lần vào chi phí năm 2002.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng (CP)	Giá trị (đ)	Số lượng (CP)	Giá trị (đ)
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồi Xuân	3.000	30.000.000	3.000	30.000.000
<b>Cộng</b>		<b>30.000.000</b>		<b>30.000.000</b>

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2012 (đ)	01/01/2012 (đ)
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	244.721.741	458.570.039
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	42.530.135	85.060.271
<b>Cộng</b>	<b>287.251.876</b>	<b>543.630.310</b>

**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2012 (đ)	01/01/2012 (đ)
Vay ngắn hạn	5.657.293.649	4.885.264.400
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN TP. Vinh (*)</i>	<i>5.657.293.649</i>	<i>4.885.264.400</i>
<b>Cộng</b>	<b>5.657.293.649</b>	<b>4.885.264.400</b>

(\*) Chi tiết vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN TP. Vinh

Đơn vị tính: đồng

Hợp đồng vay	Số Giấy nhận nợ	Lãi suất/ năm	Ngày rút vốn	Ngày đến hạn	Số dư vay tại 31/12/2012
<b>Số 808/NHNT ngày 18/9/2012</b>					<b>2.797.636.593</b>
	457488	13,50%	08/10/2012	08/07/2013	123.905.000
	458714	13,50%	15/10/2012	15/07/2013	416.389.000
	461329	13,50%	29/10/2012	29/07/2013	420.966.000
	461860	13,00%	30/10/2012	30/07/2013	321.111.000
	463615	13,50%	08/11/2012	08/08/2013	585.265.593
	464868	13,00%	15/11/2012	15/08/2013	930.000.000
<b>Số 987/NHNT ngày 27/11/2012</b>					<b>2.859.657.056</b>
	467196	11,50%	26/11/2012	26/08/2013	1.036.375.730
	469079	11,50%	03/12/2012	03/09/2013	366.075.000
	471156	11,50%	13/12/2012	13/09/2013	1.021.110.326
	472428	11,50%	20/12/2012	20/09/2013	436.096.000
<b>Tổng</b>					<b>5.657.293.649</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(đ)</b>	<b>(đ)</b>
Thuế giá trị gia tăng	795.881.732	1.271.338.376
Thuế thu nhập doanh nghiệp	236.422.423	167.031.851
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	108.201.057	199.183.510
Các loại thuế, phí khác	1.650.821	20
<b>Cộng</b>	<b>1.142.156.033</b>	<b>1.637.553.757</b>

**17. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(đ)</b>	<b>(đ)</b>
Trích trước chi phí Công trình ĐZ Sơn La - Hiệp Hòa (Lô 5.3)	0	38.530.000
Trích trước chi phí Công trình ĐZ 220KV Hà Tĩnh	86.262.307	100.200.035
Trích trước chi phí Công trình ĐZ 220KV Thanh Hóa	0	122.239.324
Trích trước chi phí Công trình trạm biến áp Hà Tĩnh	201.077.214	149.524.638
Trích trước chi phí Công trình ĐZ 220KV Hồi Xuân	275.564.432	0
Trích trước chi phí Công trình ĐZ 500KV Quảng Ninh - Hiệp Hòa	139.697.000	0
Trích trước chi phí bán thép ĐZ 220KV Hồi Xuân - Thanh Hóa	35.135.750	0
Trích trước chi phí Công trình ĐZ 110KV Hà Giang - Yên Minh	6.000.000	0
Trích trước chi phí bán thép ĐZ Hà Tĩnh	2.250.214	0
Trích trước chi phí bán thép ĐZ Thanh Hóa	13.292.645	0
Trích trước chi phí Biên báo Lô 6.4	8.246.000	0
Trích trước chi phí Biên báo Lô 6.2	11.754.000	0
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	11.542.553	14.248.689
<b>Cộng</b>	<b>790.822.115</b>	<b>424.742.686</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2**

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Số 13 Mai Hắc Đế - TP. Vinh - Nghệ An

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Tel: 0383 842195

Fax: 0383 840944

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(đ)</b>	<b>(đ)</b>
Kinh phí công đoàn	3.530.046	16.904.401
Bảo hiểm y tế	0	1.619.694
Bảo hiểm xã hội	0	33.524.026
Bảo hiểm thất nghiệp	0	42.723.302
Ban quản lý Dự án ĐZ200KV Tuyên Quang	148.616.617	148.616.617
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	567.578.290	565.295.790
Tăng Văn Thủy	94.578.951	233.862.539
Trần Đình Quý	82.011.331	306.941.531
Nguyễn Huy Hoài	108.197.371	0
Nguyễn Đậu Hào	112.274.503	0
Phải trả khác	275.882.106	232.914.147
<b>Cộng</b>	<b>1.392.669.215</b>	<b>1.582.402.047</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ DP tài chính	Cổ phiếu quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>18.611.410.000</b>	<b>1.476.397.124</b>	<b>210.622.640</b>	<b>0</b>	<b>1.876.777.433</b>	<b>22.175.207.197</b>
Tăng vốn trong năm trước	2.977.390.000	0	0	0	0	2.977.390.000
Lãi trong năm trước	0	0	0	0	205.657.057	205.657.057
Giảm khác	0	(1.116.370.000)	0	0	0	(1.116.370.000)
Phân phối lợi nhuận trong năm	0	0	0	0	(1.861.020.000)	(1.861.020.000)
<b>Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay</b>	<b>21.588.800.000</b>	<b>360.027.124</b>	<b>210.622.640</b>	<b>0</b>	<b>221.414.490</b>	<b>22.380.864.254</b>
Tăng vốn trong năm nay	0	0	0	0	0	0
Lãi trong năm nay	0	0	0	0	341.601.010	341.601.010
Tăng trong năm nay(*)	0	0	0	(475.357.950)	0	(475.357.950)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>21.588.800.000</b>	<b>360.027.124</b>	<b>210.622.640</b>	<b>(475.357.950)</b>	<b>563.015.500</b>	<b>22.247.107.314</b>

(\*) Công ty mua lại cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 62 NQ/HĐQT-VNECO2 ngày 07/5/2012 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO2.

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: 80.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đã mua: 60.800 cổ phiếu

- Lý do không thực hiện giao dịch hết số cổ phiếu đăng ký: Thời gian đăng ký mua đã hết, Công ty không mua đủ số đã đăng ký.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(đ)</b>	<b>(đ)</b>
Vốn góp của Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	6.790.756.000	6.790.756.000
Vốn góp của đối tượng khác	14.798.044.000	14.798.044.000
<b>Cộng</b>	<b>21.588.800.000</b>	<b>21.588.800.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>(đ)</b>	<b>(đ)</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	21.588.800.000	18.611.410.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	2.977.390.000
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	21.588.800.000	21.588.800.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	1.861.020.000
+ Năm trước	0	1.861.020.000
+ Năm nay	0	0

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.158.880	2.158.880
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.158.880	2.158.880
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.158.880	2.158.880
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	60.800	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.098.080	2.158.880
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.098.080	2.158.880

Mệnh giá một cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(đ)</b>	<b>(đ)</b>
Quỹ đầu tư phát triển	360.027.124	360.027.124
Quỹ dự phòng tài chính	210.622.640	210.622.640

*(\*) Mục đích trích lập các quỹ của doanh nghiệp:*

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng Tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 (đ)	Năm 2011 (đ)
Doanh thu bán thành phẩm	278.735.070	438.040.555
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	6.802.729.250	0
Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.985.667.386	24.922.315.621
<b>Cộng</b>	<b>24.067.131.706</b>	<b>25.360.356.176</b>

**26. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2012 (đ)	Năm 2011 (đ)
Hàng bán bị trả lại	2.407.500	0
<b>Cộng</b>	<b>2.407.500</b>	<b>0</b>

**27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 (đ)	Năm 2011 (đ)
Doanh thu thuần bán thành phẩm	276.327.570	438.040.555
Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	6.802.729.250	0
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	16.985.667.386	24.922.315.621
<b>Cộng</b>	<b>24.064.724.206</b>	<b>25.360.356.176</b>

**28. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2012 (đ)	Năm 2011 (đ)
Giá vốn của thành phẩm	202.925.203	324.745.966
Giá vốn của vật tư hàng hóa	6.611.673.335	0
Giá vốn hợp đồng xây dựng	12.288.806.136	18.371.593.653
<b>Cộng</b>	<b>19.103.404.674</b>	<b>18.696.339.619</b>

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2012 (đ)	Năm 2011 (đ)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.984.061	11.078.888
Cổ tức, lợi nhuận được chia	125.000.000	130.130.000
<b>Cộng</b>	<b>131.984.061</b>	<b>141.208.888</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***30. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>(đ)</b>	<b>(đ)</b>
Lãi tiền vay	927.131.521	1.133.476.436
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	0	2.187.903.360
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(739.818.000)	0
<b>Cộng</b>	<b>187.313.521</b>	<b>3.321.379.796</b>

**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>(đ)</b>	<b>(đ)</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	410.991.582	249.281.281
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	(14.474.025)	0
- Cổ tức được chia	(125.000.000)	0
- Các khoản tiền phạt vi phạm hành chính	98.525.975	0
- Phụ cấp HDQT không tham gia điều hành sản xuất kinh doanh	12.000.000	0
Tổng lợi nhuận tính thuế	396.517.557	249.281.281
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	99.129.389	62.320.320
Ưu đãi thuế theo Thông tư 140/2012/TT-BTC	29.738.817	0
Ưu đãi thuế theo Thông tư 154/2011/TT-BTC	0	18.696.096
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>69.390.572</b>	<b>43.624.224</b>

**33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>(đ)</b>	<b>(đ)</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.739.215.273	3.668.094.212
Chi phí nhân công	8.686.059.820	7.859.520.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	169.117.803	220.328.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.474.133.650	9.171.668.517
Chi phí khác bằng tiền	773.264.287	815.742.504
<b>Cộng</b>	<b>16.841.790.833</b>	<b>21.735.354.897</b>

**35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>(đ)</b>	<b>(đ)</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	341.601.010	205.657.057
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	341.601.010	205.657.057
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.128.230	2.158.880
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>160,51</b>	<b>95,26</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***37. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**37.1. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 và ngày 31/12/2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2012 và ngày 31/12/2011.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

***Độ nhạy đối với lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<b>Tăng/ giảm điểm cơ bản</b>	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</b>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012</b>		
VNĐ	+200	(107.066.305)
VNĐ	-200	107.066.305
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011</b>		
VNĐ	+300	(105.534.953)
VNĐ	-300	105.534.953

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**37.1- Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao so với các kỳ trước.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

***Độ nhạy đối với ngoại tệ***

Tại ngày lập báo cáo tài chính Công ty không có công cụ tài chính nào bằng đồng ngoại tệ. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không có.

***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**37.2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**37.3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***37.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

*Đơn vị tính : đồng*

<b>31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Các khoản vay và nợ	5.657.293.649	0	0	5.657.293.649
Phải trả người bán	3.643.076.427	0	0	3.643.076.427
Chi phí phải trả	790.822.115	0	0	790.822.115
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	1.319.103.294	0	0	1.319.103.294
<b>Cộng</b>	<b>11.410.295.485</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11.410.295.485</b>
<b>31 tháng 12 năm 2011</b>				
Các khoản vay và nợ	4.885.264.400	0	0	4.885.264.400
Phải trả người bán	3.404.269.814	0	0	3.404.269.814
Chi phí phải trả	424.742.686	0	0	424.742.686
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	1.417.594.749	0	0	1.417.594.749
<b>Cộng</b>	<b>10.131.871.649</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10.131.871.649</b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng một phần nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh TP.Vinh. (Xem thuyết minh số V.11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31/12/2012 và ngày 01/01/2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***38. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

*Đơn vị tính: đồng*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2012		31/12/2011		31/12/2012	31/12/2011
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	303.978.424	0	1.367.432.621	0	303.978.424	1.367.432.621
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.991.940.460	(2.837.347.160)	4.991.940.460	(3.577.165.160)	2.154.593.300	1.414.775.300
- Phải thu khách hàng	19.000.435.006	(948.484.439)	18.144.058.342	(28.232.000)	18.051.950.567	18.115.826.342
- Phải thu khác	1.761.070.153	(232.898.891)	1.317.859.443	(10.447.198)	1.528.171.262	1.307.412.245
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	30.000.000	0	30.000.000	0	30.000.000	30.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.087.424.043</b>	<b>(4.018.730.490)</b>	<b>25.851.290.866</b>	<b>(3.615.844.358)</b>	<b>22.068.693.553</b>	<b>22.235.446.508</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ	5.657.293.649	0	4.885.264.400	0	5.657.293.649	4.885.264.400
- Phải trả người bán	3.643.076.427	0	3.404.269.814	0	3.643.076.427	3.404.269.814
- Chi phí phải trả	790.822.115	0	424.742.686	0	790.822.115	424.742.686
- Phải trả khác	1.319.103.294	0	1.417.594.749	0	1.319.103.294	1.417.594.749
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.410.295.485</b>	<b>0</b>	<b>10.131.871.649</b>	<b>0</b>	<b>11.410.295.485</b>	<b>10.131.871.649</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần thủy điện Hồi Xuân, do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho khoản đầu tư này nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2012. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****36. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

- a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính không phát sinh.
- b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh.
- c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính này làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2012.

**3. Thông tin về các bên liên quan****Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)**

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh - phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) là cổ đông chính của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 với tỷ lệ vốn góp 31,45%.

Trong năm 2012 các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam là cung ứng và nhận dịch vụ xây dựng các công trình điện. Cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

Khoản mục	Số dư tại 01/01/2012	Phát sinh		Số dư tại 31/12/2012
		Nợ	Có	
Phải thu khách hàng về xây lắp	9.645.364.317	24.670.884.918	21.548.632.698	12.767.616.537
Công nợ phải trả về kinh phí đền bù	287.778.491	0	0	287.778.491

**Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty**

Giao dịch trong năm 2012 với Hội đồng quản trị Ban Giám đốc và Ban kiểm soát công ty là tiền lương phát sinh trong năm.

Lương và thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2012 là 545.455.650 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà

bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công ty trình bày Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Hoạt động xây lắp	Bán thành phẩm gạch	Bán vật tư, hàng hóa	Tổng cộng
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>16.985.667.386</b>	<b>276.327.570</b>	<b>6.802.729.250</b>	<b>24.064.724.206</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	16.985.667.386	276.327.570	6.802.729.250	24.064.724.206
<b>Chi phí</b>	<b>15.463.694.946</b>	<b>254.575.179</b>	<b>7.883.210.595</b>	<b>23.601.480.720</b>
Giá vốn	12.288.806.136	202.925.203	6.611.673.335	19.103.404.674
Chi phí phân bổ	3.174.888.810	51.649.976	1.271.537.260	4.498.076.046
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>1.521.972.440</b>	<b>21.752.391</b>	<b>(1.080.481.345)</b>	<b>463.243.486</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	13.500.000	0	0	13.500.000
Tài sản bộ phận	25.806.740.564	419.831.246	10.335.553.199	36.562.125.009
<b>Tổng tài sản</b>	<b>25.806.740.564</b>	<b>419.831.246</b>	<b>10.335.553.199</b>	<b>36.562.125.009</b>
Nợ phải trả bộ phận	10.104.006.475	164.374.793	4.046.636.427	14.315.017.695
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>10.104.006.475</b>	<b>164.374.793</b>	<b>4.046.636.427</b>	<b>14.315.017.695</b>

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh được phân loại lại chỉ tiêu: *Tài sản cố định vô hình, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang* và điều chỉnh chỉ tiêu *Lãi cơ bản trên cổ phiếu* như sau:

Khoản mục	Trước khi phân loại, điều chỉnh (đ)	Sau phân loại lại, điều chỉnh (đ)
Nguyên giá TSCĐ vô hình	2.952.000.000	0
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	2.952.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	102,00	95,26

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**6. Tính hoạt động liên tục**

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

*Nghệ An, ngày 18 tháng 01 năm 2013*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Trần Vĩnh Phương**

**Nguyễn Đậ Thảo**